

Số: 59/TB-BQLDA

Vĩnh Thủy, ngày 01 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15
ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được
sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số
01/2016/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy
định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền
đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của
pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp
Quy định chi tiết Quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà
pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa
chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu
giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản
quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư Pháp về
việc Ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán
thông qua đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 21/9/2026 của UBND xã
Vĩnh Thủy về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử đất đối với 14 lô đất
tại điểm dân cư thôn Thủy Ba Đông, xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn
1+2) (Nay là thôn Thủy Ba, xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị);

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 23/9/2026 của UBND xã
Vĩnh Thủy về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với
14 lô đất tại điểm dân cư thôn Thủy Ba Đông, xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị
(giai đoạn 1+2) (Nay là thôn Thủy Ba, xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị).



Căn cứ Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 28/9/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc phê duyệt quyết định đấu giá quyền sử dụng đất đối với 14 lô đất tại điểm dân cư thôn Thủy Ba Đông, xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1+2) (Nay là thôn Thủy Ba, xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị).

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vĩnh Thủy thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá

Tên đơn vị: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vĩnh Thủy.

Địa chỉ: Xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

- **Tên tài sản, số lượng:** Quyền sử dụng đất đối với 14 lô đất tại điểm dân cư thôn Thủy Ba Đông, xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1+2) (Nay là thôn Thủy Ba, xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị).

- Chất lượng tài sản:

+ Loại đất: Đất ở nông thôn (ONT).

+ Hạ tầng kỹ thuật: Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

+ Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

+ Tài sản gắn liền với các thửa đất: Không.

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 3.413.158.400 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm mười ba triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).

(Có Phụ lục II chi tiết kèm theo).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Tổ chức đấu giá tài sản được đánh giá, chấm điểm dựa theo các nhóm tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản; Điều 33 của Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành ngày 31/12/2024 (đính kèm Phụ lục I: Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản).

Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản quyết định tại mục V Phụ lục I (Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản).

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vĩnh Thủy căn cứ các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để chấm điểm và xử lý các tình huống theo quy định tại Điều 35, Điều 37 Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành ngày 31/12/2024.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá trong giờ hành chính, từ ngày 05/11/2026 đến ngày 07/11/2026.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vĩnh Thủy.

- Địa chỉ: Xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản giấy.

- Nộp hồ sơ trực tiếp, không nhận hồ sơ qua đường Bưu điện. Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu còn thời hạn và Căn cước/Căn cước công dân; không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

6. Thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Nội dung thông báo này được đăng tải trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia của Bộ Tư pháp (<https://dgts.moj.gov.vn/>), Trang thông tin điện tử xã Vĩnh Thủy (<https://vinhthuy.quangtri.gov.vn/>) và niêm yết tại trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vĩnh Thủy (địa chỉ: Xã Vĩnh Thủy, tỉnh Quảng Trị).

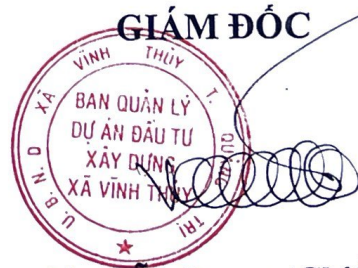
7. Hồ sơ đăng ký gồm có:

- Đơn đăng ký tham gia.
- Hồ sơ pháp lý đăng ký hoạt động của doanh nghiệp hành nghề đấu giá tài sản.
- Bản mô tả năng lực kinh nghiệm.
- Phương án tổ chức đấu giá khả thi, hiệu quả.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vĩnh Thủy thông báo các tổ chức đấu giá tài sản biết để nộp hồ sơ đăng ký thực hiện theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Cổng ĐGTSQG;
- UBND xã Vĩnh Thủy;
- Trang thông tin điện tử xã Vĩnh Thủy;
- Lưu: VT.



Nguyễn Quang Chiến



Phụ lục I

BẢNG TIÊU CHÍ**ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

(Theo Thông báo số 59/TB-BQLDA ngày 01/10/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vĩnh Thủy)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0

4.	<i>Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i>	7,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp tổng số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá dưới 1 điểm được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được chấm tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U*3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V*3)/Y$	

5.	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư Pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	<i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0

8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 04 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</i>	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2025 đã từng tổ chức đấu giá ít nhất 07 cuộc đấu giá thành tài sản là quyền sử dụng đất ở tại các xã Vĩnh Lâm (cũ), xã Vĩnh Thủy (cũ) và xã Vĩnh Sơn (cũ). Nay là xã Vĩnh Thủy	3,0
2	Từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm thông báo đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đất ở với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vĩnh Thủy (hoặc Ban Quản lý dự án, Phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp, du lịch biển xã Vĩnh Linh (cũ)) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó.	3,0
3	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh. (Là phạm vi khu vực huyện, thành phố (cũ) có tài sản đấu giá)	2,0
Tổng số điểm		100





DANH SÁCH GIÁ KHỞI ĐIỂM 14 LÔ ĐẤT TẠI ĐIỂM DẠNG CƯ THÔN THỦY BÀ ĐÔNG, XÃ VĨNH THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ
(NAY LÀ THÔN THỦY BÀ, XÃ VĨNH THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ)
(GIAI ĐOẠN 1 + 2)
(Theo Thông báo số 59/TB-BQLDA ngày 01/10/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vĩnh Thủy)

TT	Địa chỉ thửa đất	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)			Loại đất	Thời hạn sử dụng	Hiện trạng đường giao thông	Giá đất theo Bảng giá 12/2025/NQ-HĐND (đồng/m ²)		Hệ số điều chỉnh tại bảng giá	Giá khởi điểm (đồng)
				Thửa đất	Vị trí 1	Vị trí 2				Vị trí 1	Vị trí 2		
1	Thôn Thủy Ba	1668	49	416,0	344,0	72,0	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	283.968.000
2	Thôn Thủy Ba	1669	49	362,0	300,0	62,0	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	247.248.000
3	Thôn Thủy Ba	1670	49	355,0	300,0	55,0	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	243.720.000
4	Thôn Thủy Ba	1671	49	349,0	300,0	49,0	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	240.696.000
5	Thôn Thủy Ba	1672	49	342,0	300,0	42,0	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	237.168.000
6	Thôn Thủy Ba	1673	49	335,0	300,0	35,0	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	233.640.000
7	Thôn Thủy Ba	1674	49	329,0	300,0	29,0	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	230.616.000
8	Thôn Thủy Ba	1696	49	321,6	300,0	21,6	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	226.886.400

TT	Địa chỉ thửa đất	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m2)			Loại đất	Thời hạn sử dụng	Hiện trạng đường giao thông	Giá đất theo Bảng giá 12/2025/NQ-HĐND (đồng/m2)		Hệ số điều chỉnh tại bảng giá	Giá khởi điểm (đồng)
				Thửa đất	Vị trí 1	Vị trí 2				Vị trí 1	Vị trí 2		
9	Thôn Thuỷ Ba	1697	49	315,0	300,0	15,0	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	223.560.000
10	Thôn Thuỷ Ba	1698	49	310,8	300,0	10,8	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	221.443.200
11	Thôn Thuỷ Ba	1699	49	308,2	300,0	8,2	ONT	Lâu dài	Đường nông thôn (đường đất 10m)	800.000	560.000	0,9	220.132.800
12	Thôn Thuỷ Ba	1700	49	330,0	300,0	30,0	ONT	Lâu dài	Đường bê tông nông thôn 9,4m giao đường đất mặt cắt 10m	800.000	560.000	VT1: 1,1 VT2: 1	280.800.000
13	Thôn Thuỷ Ba	1701	49	330,5	300,0	30,5	ONT	Lâu dài	Đường bê tông nông thôn 9,4m	800.000	560.000	1	257.080.000
14	Thôn Thuỷ Ba	1702	49	342,5	310,0	32,5	ONT	Lâu dài	Đường bê tông nông thôn 9,4m	800.000	560.000	1	266.200.000
Tổng				4.746,6									3.413.158.400

Bảng chữ: (Ba tỷ bốn trăm mười ba triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm đồng)